

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRƯỚC YÊU CẦU THỰC THI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

NGUYỄN LAN NGUYÊN*

Tóm tắt: Thế giới ngày nay đang phải chứng kiến sự suy giảm và sự tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã (ĐVHD). Điều này không chỉ bởi tác động của tự nhiên mà còn bởi vấn nạn khai thác, săn bắt, buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp ĐVHD diễn biến hết sức phức tạp, làm suy giảm nghiêm trọng số lượng loài và phá vỡ đa dạng sinh học. Xuất phát từ nguồn lợi khổng lồ do buôn bán ĐVHD mà các đối tượng vẫn bất chấp và len lỏi qua những lỗ hổng pháp luật, dẫn đến tình trạng buôn bán ĐVHD trái phép ở Việt Nam vẫn có xu hướng tăng nhanh. Bởi vậy, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ ĐVHD luôn là yêu cầu cấp thiết, đóng vai trò nền tảng, góp phần thực thi có hiệu quả các Điều ước quốc tế (ĐUQT) mà Việt Nam là thành viên.

Từ khoá: Pháp luật Việt Nam; Điều ước quốc tế; bảo vệ động vật hoang dã; buôn bán trái phép; môi trường

Ngày nhận bài: 03/5/2024; Biên tập xong: 13/5/2024; Duyệt đăng: 23/5/2024

CONTINUE TO COMPLETE VIETNAMESE LAWS ON WILDLIFE PROTECTION UNDER THE REQUIREMENTS FOR IMPLEMENTATION OF INTERNATIONAL TREATIES

Abstract: The world today is witnessing the decline and extinction of many wildlife animals. The reasons are not only the impact of nature but also illegal exploitation, hunting, trade and consumption of wildlife which is extremely complicated, seriously reducing the number of species and destroying biodiversity. Due to the huge profits from wildlife trading, the offenders still take advantage of legal gaps, leading to the rapid increasing of illegal wildlife trade in Vietnam. Therefore, perfecting the law on wildlife protection is always an urgent requirement, playing a fundamental role, contributing to the effective implementation of international treaties to which Vietnam is a member.

Keywords: Vietnamese law; international treaties; wildlife protection; illegal trade; environment

Received: May 03rd 2024; **Editing completed:** May 13th 2024; **Accepted for publication:** May 23rd 2024

1. Đặt vấn đề

Việt Nam được biết đến là một trong 12 trung tâm đa dạng sinh học của thế giới và được xếp hạng 16 thế giới về đa dạng tài nguyên sinh vật, bao gồm các kiểu hệ sinh thái phong phú và các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu. Vùng đất này là nơi trú ngụ của 10.300 loài động vật trên cạn, số loài sinh vật nước ngọt đã được biết đến là hơn 1.438 loài vi tảo, 800 loài động vật không xương sống, 1.028 loài cá nước ngọt và số lượng loài sinh

vật biển được biết là hơn 11.000 loài¹. Trong đó, nhiều loài có giá trị lớn cho việc bảo tồn, đóng góp cho khoa học và khẳng định tầm quan trọng toàn cầu của đa dạng sinh học Việt Nam như sao la, hươu sao, các loài rùa biển và rùa cạn nước ngọt...²

Tuy nhiên, thời gian vừa qua, tài nguyên đa dạng sinh học ở Việt Nam đang ngày càng

* Email: Lannguyen145@yahoo.com

Tiến sĩ, Giảng viên chính, Khoa Luật quốc tế, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Hương Giang (2023), Đa dạng sinh học ở Việt Nam - Thực trạng và thách thức trong bảo tồn, <https://moitruong.net.vn/da-dang-sinh-hoc-o-viet-nam-bai-1-thuc-trang-va-thach-thuc-trong-bao-ton-58275.html>, truy cập ngày 01/5/2024

² TTXVN/Vietnam+ (2021), Chung tay bảo vệ loài hoang dã ở Việt Nam: Đôi mắt xu hướng suy giảm, <https://www.vietnamplus.vn/chung-tay-bao-ve-loai-hoang-da-o-viet-nam-doi-mat-xu-huong-suy-giam/714198.vnp>, truy cập ngày 28/4/2024

suy giảm mạnh do tình trạng khai thác và tiêu thụ bất hợp pháp các loài ĐVHD. Đặc biệt, hoạt động buôn bán ĐVHD còn trở nên đáng lo ngại hơn bao giờ hết với sự tham gia của các đường dây tội phạm có tổ chức và xuyên biên giới. Theo Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp quốc tế (CIFOR), tại Việt Nam, tổng doanh thu và lợi nhuận hằng năm từ buôn bán trái pháp luật ĐVHD ước tính lần lượt đạt mức 66,5 triệu đôla Mỹ và 21 triệu đôla Mỹ. Chính nguồn lợi nhuận khổng lồ này đã khiến việc đấu tranh với các hoạt động buôn bán bất hợp pháp ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp.³

Là một mắt xích quan trọng của hệ sinh thái, khái niệm ĐVHD cũng đã được đưa ra bởi nhiều học giả, các tổ chức chuyên môn trên thế giới. Tổ chức Thú y thế giới (OIE) giải thích ĐVHD là động vật có kiểu hình không bị ảnh hưởng bởi sự lựa chọn của con người và sống không phụ thuộc vào sự giám sát hoặc kiểm soát trực tiếp của con người.⁴ Ở Việt Nam, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp quy định: ĐVHD, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau: Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc

các Phụ lục của CITES; Loài động vật rừng thông thường; Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

2. Một số điều ước quốc tế quan trọng về bảo vệ động vật hoang dã

Các ĐUQT quan trọng liên quan đến ĐVHD có thể kể đến là: Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước năm 1971 (Ramsar); Công ước bảo vệ di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới năm 1972 (WHC). Trong đó, có một số điều ước quốc tế đặc thù về ĐVHD như: Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp năm 1973 (CITES); Công ước về đa dạng sinh học năm 1992 (CBD); Công ước về các loài di cư năm 1979 (CMS); một số điều ước quốc tế đa phương khu vực Công ước Châu Phi về bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên năm 1968 (sửa đổi năm 2003); Công ước về bảo tồn các loài hoang dã và môi trường tự nhiên của Châu Âu năm 1979; Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên năm 1985.

2.1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp năm 1973 (CITES)

Buôn bán ĐVHD là ngành kinh doanh mang lại lợi nhuận vô cùng lớn, đặc biệt tăng lên nhanh chóng thành trào lưu từ những năm 1960. Trước tình trạng ngày càng báo động, Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đã kêu gọi xây dựng một ĐUQT quy định về xuất khẩu, quá cảnh, nhập khẩu các loài ĐVHD quý hiếm hoặc bị đe dọa và những chiến lợi phẩm thu được từ chúng. Ngày 03/3/1973, CITES đã được thông qua tại Washington (Hoa Kỳ) và có hiệu lực từ ngày 01/7/1975. Đến nay, CITES đã có 183 quốc gia thành viên, trong đó Việt Nam trở thành thành viên thứ 121 vào năm 1994. Đây cũng là ĐUQT về bảo tồn có số lượng thành viên lớn nhất toàn cầu.

³ Phúc Huy (2023), *Nâng cao nhận thức về nguy cơ và rủi ro tài chính từ buôn bán động vật hoang dã*, <https://nhandan.vn/nang-cao-nhan-thuc-ve-nguy-co-va-rui-ro-tai-chinh-tu-buon-ban-dong-vat-hoang-da-post753137.html>, truy cập ngày 28/4/2024

⁴ Nguyên gốc: "WILD [ANIMAL] means an animal that has a phenotype unaffected by human selection and lives independent of direct human supervision or control."

Được coi là văn kiện thành công nhất trong tất cả các ĐUQT liên quan đến bảo vệ ĐVHD, CITES gồm 25 điều khoản nhằm đảm bảo việc buôn bán quốc tế các loài hoang dã không đe dọa đến sự sống còn của các loài này trong tự nhiên. CITES bảo vệ gần 6.000 loài động vật và hơn 32.000 loài thực vật do bị khai thác quá mức trong thương mại quốc tế. Mỗi loài hoang dã sẽ được phân loại theo mức độ nguy cấp tại 3 Phụ lục sau: Phụ lục I gồm các loài bị đe dọa tuyệt chủng do hoặc có thể do buôn bán; Phụ lục II gồm các loài hoang dã chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể đã đến tuyệt chủng và Phụ lục III gồm các loài hoang dã mà một nước thành viên CITES yêu cầu các thành viên khác hợp tác để kiểm soát việc buôn bán vì mục đích thương mại. Đối với từng Phụ lục, các quốc gia thành viên phải tuân thủ quy chế về việc buôn bán các mẫu vật để không tiếp tục đe dọa đến sự tồn tại của chúng.

Như vậy, CITES đã tạo ra một khung pháp lý quốc tế chặt chẽ về phòng, chống buôn bán trái phép ĐVHD thông qua việc xác định loài theo mức độ nguy cấp và quy định cấm hoặc hạn chế buôn bán với từng loài. Đồng thời, CITES cũng tạo cơ sở pháp lý cho các thành viên xây dựng cơ chế quốc gia để phát hiện và xử lý các hành vi buôn bán trái phép nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên ĐVHD của mình.

2.2. Công ước về đa dạng sinh học năm 1992 (CBD)

Có thể thấy, ĐVHD là một phần của hệ sinh thái, bảo vệ ĐVHD cũng chính là bảo tồn một phần của đa dạng sinh học. CBD là kết quả của Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển bền vững năm 1992 tại Rio de Janeiro, Brazil và có hiệu lực từ ngày 29/11/1993. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ước đã dành được sự ủng hộ và tham gia của hơn 190 quốc gia, trong đó Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn vào ngày 16/11/1994.

CBD là công ước khung để giải quyết các mối đe dọa đối với hệ sinh thái và các loài động, thực vật. Nội dung cốt lõi của CBD

nhằm bảo tồn các dạng tài nguyên sinh học, sử dụng hợp lý các thành phần của đa dạng sinh học, chia sẻ một cách hợp lý và công bằng lợi nhuận thu được do sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, việc chuyển giao kỹ thuật tiên tiến một cách thích hợp, lưu ý đến các quyền sở hữu về các tài nguyên đó và các kỹ thuật và có nguồn kinh phí thích hợp.⁵ Để thực hiện mục tiêu, Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên; hồi phục các hệ sinh thái bị suy thoái; bảo vệ các loài có nguy cơ bị tiêu diệt bằng pháp luật; hạn chế và quản lý các hành động gây nguy hại đến đa dạng sinh học; ban hành công tác đánh giá tác động môi trường; xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển quốc gia, kế hoạch hành động về bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học trong và ngoài các khu bảo tồn.⁶

2.3. Công ước về các loài di cư năm 1979 (CMS)

Trước năm 1979, tuy đã có một số ĐUQT quy định về bảo vệ các loài di cư ở những mức độ khác nhau nhưng nhìn chung còn thiếu sự thống nhất hoặc chỉ tập trung vào một số loài nhất định. Để giải quyết điều này, Công ước về các loài di cư hay còn gọi là Công ước Bonn (CMS) được ký kết vào ngày 23/6/1979 dưới sự bảo trợ của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) nhằm cung cấp một nền tảng toàn cầu cho việc bảo tồn động, thực vật hoang dã và môi trường sống của chúng trên quy mô toàn thế giới. Kể từ khi Công ước có hiệu lực, số thành viên ký kết đã tăng lên đến 122 quốc gia từ khắp các châu lục.⁷

CMS là ĐUQT toàn cầu duy nhất chuyên về bảo tồn các loài di cư, môi trường

⁵ Xem thêm Điều 1 Công ước về Đa dạng sinh học năm 1992 (CBD)

⁶ Quỹ Môi trường toàn cầu Việt Nam, Công ước về Đa dạng sinh học, <https://www.gef.monre.gov.vn/vi/cong-uoc-ve-da-dang-sinh-hoc-2/>, truy cập ngày 25/4/2024

⁷ Công ước về các loài di cư (Convention on migratory species hay CMS), <https://wildfor.life/vi/collaborator/c%C3%B4ng-%C6%B0%E1%BB%9Bc-v%E1%BB%81-c%C3%A1c-lo%C3%A0i-di-c%C6%B0-convention-on-migratory-species-hay-cms>, truy cập ngày 25/4/2024

sống và lộ trình di cư của chúng. Công ước này quy định về nhiều loài di cư mang tính biểu tượng bị ảnh hưởng nặng nề bởi việc buôn bán bất hợp pháp như voi, khi đọt, báo tuyết, linh dương Saiga, rùa biển, cá mập và một số loài chim⁸, trong đó các loài di cư bị đe dọa tuyệt chủng được liệt kê trong Phụ lục I và các loài di cư cần hoặc sẽ được hưởng lợi đáng kể từ sự hợp tác quốc tế được liệt kê trong Phụ lục II. Công ước yêu cầu sự gắn kết và hợp tác của cộng đồng quốc tế để phòng, chống và giải quyết các mối đe dọa đến những loài ĐVHD di cư, bao gồm cả việc buôn bán bất hợp pháp.

Cùng với các Điều ước quốc tế đa phương mang tính chất toàn cầu quan trọng nêu trên về ĐVHD, còn phải kể đến những Điều ước quốc tế đa phương mang tính chất khu vực trong lĩnh vực này như: Công ước Châu Phi về bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên năm 1968 (sửa đổi năm 2003); Công ước về bảo tồn các loài hoang dã và môi trường tự nhiên của Châu Âu năm 1979; Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên năm 1985...

3. Thực thi điều ước quốc tế và giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

3.1. Pháp luật Việt Nam và việc thực thi các điều ước quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã

Sau khi Việt Nam trở thành thành viên của Công ước CITES và Công ước CBD, pháp luật Việt Nam đã tiếp tục được hoàn thiện và ban hành nhằm quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi săn bắt, buôn bán các loài hoang dã. Có thể kể đến các văn bản quy phạm pháp luật như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Đa dạng sinh học năm 2018, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, và gần đây nhất là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Lâm nghiệp năm 2017 cùng các Nghị định hướng dẫn việc thực thi.

Việt Nam đã nỗ lực thực thi và nội luật hoá các quy định của pháp luật quốc tế về bảo

vệ ĐVHD thông qua việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật trong nước cũng như cho ra đời hàng loạt các văn bản dưới luật để làm rõ và hướng dẫn chi tiết việc thực thi các quy định pháp luật. Ngoài ra, để cụ thể hoá đường lối của Đảng và Nhà nước, các cơ quan, ban ngành đã và đang tích cực xây dựng, thực hiện các chiến lược, chương trình cụ thể như Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về tổng thể, khung pháp luật quốc gia về bảo vệ và phòng, chống buôn bán bất hợp pháp ĐVHD của Việt Nam khá đầy đủ và toàn diện. Điều này không chỉ thể hiện quyết tâm ngày càng lớn của Việt Nam trong công tác bảo vệ ĐVHD, mà còn thể hiện sự tận tâm thực hiện nghĩa vụ quốc gia của Việt Nam đối với các ĐUQT mà chúng ta là thành viên. Công tác xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phối hợp thực hiện tương đối hiệu quả.

Việt Nam cũng tích cực tham nhiều diễn đàn, hội nghị về bảo vệ ĐVHD của cộng đồng quốc tế nói chung và khu vực nói riêng, không ngừng nỗ lực phối hợp với các quốc gia về trao đổi thông tin, đào tạo nhân lực... Điển hình, năm 2018 Việt Nam hợp tác với Tổ chức Four Paws International xây dựng Biên bản thỏa thuận hợp tác về bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp. Việt Nam và Hoa Kỳ chung tay phối hợp với Dự án Phòng, chống buôn bán trái pháp luật các loài động, thực vật hoang dã (2016-2021) hỗ trợ Việt Nam xây dựng, sửa đổi pháp luật và tập huấn cho hơn 2.600 cán bộ thuộc các ngành kiểm lâm, hải quan, cảnh sát môi trường, tòa án, kiểm sát về các kỹ năng và kiến thức liên quan tới xử lý các loại tội phạm về bảo vệ các loài hoang dã.⁹ Tiếp nối thành

⁹ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) (2021), *Dự án do Hoa Kỳ tài trợ giúp Việt Nam tăng cường bảo vệ các loài hoang dã*, <https://www.usaid.gov/vi/vietnam/press-releases/aug-27-2021-us-supported-project-strengthens-vietnam-efforts-protect-wildlife>, truy cập ngày 26/4/2024

⁸ Như chú thích 7

công này, Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp tục hợp tác trong Dự án bảo vệ các loài ĐVHD nguy cấp được thực hiện trong 05 năm từ năm 2022.

Mặc dù nhiệm vụ bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam cho đến nay đã đạt được một số thành tích đáng kể, song vẫn còn tồn tại khó khăn và hạn chế trong công tác bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật quý giá này, đó là:

+ Nhiệm vụ phối hợp liên ngành về bảo vệ ĐVHD còn nhiều hạn chế, hoạt động chuyên môn, tài chính, khoa học kỹ thuật không được hướng dẫn cụ thể gây khó khăn trong việc trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, xử lý các trường hợp vi phạm cũng như tang vật thu được. Còn nhiều trường hợp vi phạm dễ bị bỏ qua như săn bắt, buôn bán ĐVHD số lượng nhỏ hoặc những hành vi quảng cáo ĐVHD trái phép.

+ Nguồn cán bộ có trình độ chuyên môn cao về bảo vệ ĐVHD còn hạn chế. Hiện nay, lực lượng cán bộ phục vụ cho công tác bảo vệ ĐVHD như kiểm lâm, công an, bộ đội... ở các địa phương còn rất ít ỏi và không được đầu tư đào tạo chuyên môn. Một số địa phương tập trung nhiều đồng bào nghèo, gặp khó khăn về việc làm, nguồn thu nhập hạn chế nên người dân vẫn bất chấp hậu quả để buôn bán trái phép ĐVHD nhằm kiếm lợi nhuận.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

Thời gian tới, cần rà soát hệ thống các văn bản pháp luật về bảo vệ ĐVHD, tiến tới xây dựng Luật chuyên biệt về bảo vệ ĐVHD tách biệt với Luật Môi trường hay Luật Đa dạng sinh học. Cần quy định về hệ thống cấp phép nghiêm ngặt đối với các hoạt động bảo vệ ĐVHD được Nhà nước cho phép. Cần thiết phải quy định rõ các hình thức xử phạt vi phạm, trong đó cần nâng mức xử phạt nghiêm khắc nhằm tăng cường tính răn đe của pháp luật. Bổ sung một số quy định nhằm khuyến khích cơ quan có thẩm quyền và nhưng tổ chức bảo vệ ĐVHD hợp tác quản lý và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực này.

Nghiên cứu và có kế hoạch xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ, phát triển có mục tiêu đối với từng loại ĐVHD có

nguy cơ tuyệt chủng. Bổ sung các quy định về quản lý bảo vệ ĐVHD và ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi và vấn đề gây nuôi ĐVHD.

Hoàn thiện, bổ sung các quy định về xử lý tang vật, vật chứng là ĐVHD như bổ sung danh mục các cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý tang vật là ĐVHD trong từng trường hợp cụ thể sao cho hợp lý, thống nhất. Hướng dẫn cụ thể các tiêu chí xác định hoặc chỉ định cụ thể các cơ sở có điều kiện nuôi dưỡng bảo quản thay thế cho cơ quan tạm giữ động vật rừng là tang vật vi phạm là những cơ quan nào trong Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước.

Tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam và các quốc gia là thị trường tiêu thụ ĐVHD lớn của thế giới. Tích cực tham gia các diễn đàn, hội thảo quốc tế, phối hợp đào tạo các cán bộ chủ chốt phục vụ công tác phòng, chống tội phạm buôn bán trái phép ĐVHD nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật này một cách hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn cầu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp năm 1973 (CITES);
2. Công ước về các loài di cư năm 1979 (CMS);
3. Công ước về đa dạng sinh học năm 1992 (CBD);
4. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
5. Luật Đa dạng sinh học năm 2018;
6. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và năm 2020.